

POLICY ON CONTINUING EDUCATION DEVELOPMENT IN VIETNAM: FROM THE LITERACY CAMPAIGN TO LIFELONG LEARNING PROMOTION

Bui Thanh Xuan^{*1}, Nguyen Minh Tuan², Nguyen Hoai Thu³,
Ho Huyen Trang⁴, Nguyen Thi Hai⁵

* Corresponding author
Email: xuanbt@vnies.edu.vn

² Email: tuannm@vnies.edu.vn

³ Email: thunh@vnies.edu.vn

⁴ Email: tranghh@vnies.edu.vn

⁵ Email: haint@vnies.edu.vn

^{1,2,3,4,5} The Vietnam National Institute
of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Cua Nam ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 29/12//2025

Revised: 26/6/2026

Accepted: 10/7/2026

Published: 25/7/2026

Abstract: Continuing Education (CE) - a component of the national education system - plays a crucial role in providing flexible and equitable learning opportunities, contributing to literacy eradication, raising people's intellectual standards, developing human resources, and building a learning society. This article analyzes the policy development process of CE across different stages: the Literacy Campaign, Supplementary Education, Equivalency Education, and the current phase of developing CE system that promotes lifelong learning. Based on historical and document research methods, the article proposes several policy directions for the CE development in the period 2025-2030 with a vision to 2045, in response to the demands of digital transformation, the Fourth Industrial Revolution, and sustainable human resource development.

Keywords: Education policy, policy analysis, continuing education, lifelong learning.

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN VIỆT NAM: TỪ BÌNH DÂN HỌC VỤ ĐẾN THỨC ĐẦY HỌC TẬP SUỐT ĐỜI

Bùi Thanh Xuân^{*1}, Nguyễn Minh Tuấn², Nguyễn Hoài Thu³,
Hồ Huyền Trang⁴, Nguyễn Thị Hải⁵

* Tác giả liên hệ
Email: xuanbt@vnies.edu.vn

² Email: tuannm@vnies.edu.vn

³ Email: thunh@vnies.edu.vn

⁴ Email: tranghh@vnies.edu.vn

⁵ Email: haint@vnies.edu.vn

^{1,2,3,4,5} Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 29/12/2025

Chỉnh sửa xong: 26/6/2026

Chấp nhận đăng: 10/7/2026

Xuất bản: 25/7/2026

Tóm tắt: Giáo dục thường xuyên - một thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân - có vai trò cung cấp cơ hội học tập linh hoạt, bình đẳng, góp phần xóa mù chữ, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực và xây dựng xã hội học tập. Bài viết phân tích tiến trình phát triển của chính sách giáo dục thường xuyên qua các giai đoạn: Bình dân học vụ, Bỏ túc văn hóa, Giáo dục bổ túc và hiện nay là Phát triển giáo dục thường xuyên theo hướng thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Trên cơ sở phương pháp lịch sử và nghiên cứu văn bản, bài viết cung cấp góc nhìn toàn cảnh về các chính sách phát triển giáo dục thường xuyên trong 80 năm qua, từ đó đề xuất một số định hướng chính sách phát triển giáo dục thường xuyên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, Cách mạng 4.0 và phát triển bền vững nguồn nhân lực.

Từ khóa: Chính sách giáo dục, phân tích chính sách, giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục thường xuyên là trụ cột quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân, có vai trò cung cấp cơ hội học tập suốt đời cho mọi người. Luật Giáo dục 2019 xác định giáo dục thường xuyên là loại hình giáo dục được tổ chức linh hoạt về chương trình, thời gian, phương pháp và địa điểm (Quốc hội, 2019). Trong hai thập niên qua, chính sách giáo dục thường xuyên ở Việt Nam có những bước phát triển quan trọng, với nhiều văn bản lớn như các Đề án Xây dựng xã hội học tập, Chiến lược Phát triển giáo dục 2011- 2020 và 2021-2030, Nghị quyết số 29-NQ/TW, góp phần mở rộng cơ hội học tập, phát triển hình

thức học tập linh hoạt và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Nguyễn Minh Tuấn và cộng sự, 2015; Bế Hồng Hạnh và cộng sự, 2021).

Tuy nhiên, vẫn thiếu các nghiên cứu rà soát một cách hệ thống quá trình hình thành và phát triển chính sách giáo dục thường xuyên từ năm 1945 đến nay. Phân tích toàn diện tiến trình này không chỉ giúp nhận diện thành tựu, hạn chế và xu hướng vận động của lĩnh vực, mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện chính sách trong giai đoạn mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, bài viết kết

hợp hai phương pháp: Lịch sử và nghiên cứu văn bản. Phương pháp lịch sử được sử dụng để phân tích tiến trình chính sách phát triển giáo dục thường xuyên trong 80 năm qua, chia thành bốn giai đoạn chính: Bình dân học vụ (1945-1959), Bỏ túc văn hoá (1959-1989), Giáo dục bỏ túc (1989-1993), Phát triển giáo dục thường xuyên - xây dựng xã hội học tập (1993 đến nay). Phương pháp nghiên cứu văn bản được sử dụng để tổng hợp và phân tích một số văn bản chính sách quan trọng trong lĩnh vực giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời, làm rõ sự vận động của chính sách giáo dục thường xuyên qua các thời kì, đồng thời chỉ ra yêu cầu điều chỉnh nhằm đáp ứng bối cảnh mới của giáo dục và phát triển xã hội.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Chính sách phát triển giáo dục thường xuyên qua các giai đoạn

3.1.1. Giai đoạn Bình dân học vụ

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối diện với thử thách lớn: Hơn 90% dân số mù chữ - hậu quả nặng nề của ách thực dân (Hồ Chí Minh, 2011). Trong bối cảnh ấy, xây dựng nền văn hóa mới, phát triển giáo dục, đặc biệt là xóa nạn mù chữ, được xác định là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu. Phong trào Bình dân học vụ ra đời, trở thành một cuộc vận động toàn dân “diệt giặc đói”, gắn với vận mệnh quốc gia.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh chống nạn mù chữ, ngày 08 tháng 9 năm 1945, Nha Bình dân học vụ được thành lập. Các sắc lệnh 17/SL, 19/SL, 20/SL đã tạo nên tảng pháp lí và phương hướng hành động trên toàn quốc. Lực lượng giảng dạy được huy động từ giáo viên, trí thức trẻ và quần chúng, hình thành đội ngũ “Chiến sĩ Bình dân học vụ” (Tô Bá Trượng, 2001).

Các lớp học Bình dân học vụ được tổ chức tại mọi địa điểm, thuận tiện cho mọi đối tượng. Chỉ sau một năm, cả nước có hơn 75.000 lớp học, gần 100.000 người tham gia giảng dạy và khoảng 2,5 triệu người biết đọc, biết viết - một thành tựu to lớn trong hoàn cảnh đất nước vừa giành độc lập, còn vô vàn khó khăn (Lê Mậu Hãn, 2005).

Ở trình độ cao hơn, chính sách Bình dân học vụ đã phát triển hệ thống trường tập trung và tại chức. Từ 1947, các cơ sở như Trung học Bình dân, Trường Bỏ túc văn hóa và Trường Phổ thông lao động được thành lập, không chỉ đáp ứng nhu cầu học tập mà còn đào tạo cán bộ phục vụ kháng chiến (Ngô Văn Cát, 1980). Công tác huấn luyện và đãi ngộ giáo viên được chú trọng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phong trào Bình dân học vụ đã

hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xóa mù chữ trên diện rộng, nâng cao dân trí, để lại bài học quý về gắn chính sách giáo dục với nhiệm vụ chính trị, phát huy tinh thần xã hội hóa và tổ chức học tập linh hoạt.

3.1.2. Giai đoạn Bỏ túc văn hoá

Giai đoạn Bỏ túc văn hóa (1959-1989) đánh dấu bước chuyển quan trọng, từ xóa mù chữ sang gắn kết chính sách giáo dục với sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội ở Miền Bắc và đấu tranh giải phóng Miền Nam.

Nghị quyết 93/TW (1959) chỉ rõ trình độ văn hóa thấp là trở ngại lớn cho xây dựng đất nước, yêu cầu đẩy mạnh bỏ túc văn hóa. Báo cáo Đại hội III (1960) xác định đây là nhiệm vụ hàng đầu để nâng cao nhận thức, đào tạo cán bộ và phổ biến khoa học - kĩ thuật. Đến năm 1965, Chỉ thị 97 nhấn mạnh yêu cầu nâng cao trình độ văn hóa để phục vụ sản xuất và quốc phòng (Tô Bá Trượng, 2001).

Trong Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1960-1965), bỏ túc văn hóa trở thành bộ phận quan trọng, với mục tiêu phổ cập cấp I cho cán bộ, thanh niên và phổ cập lớp 1-2 cho nhân dân. Chỉ thị 114-CP (1966) yêu cầu gắn bỏ túc văn hóa với quy hoạch đào tạo công nhân lành nghề; năm 1969, Ban Bí thư chỉ thị các cơ quan, ngành Kinh tế và tổ chức đoàn thể phối hợp tổ chức bỏ túc văn hóa cho cán bộ, công nhân.

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao số lượng và chất lượng giáo viên, từ giữa thập niên 1960, hệ thống Trường Sư phạm Bỏ túc văn hóa được thành lập ở Trung ương và các tỉnh (xem Bảng 1). Các trường này vừa đào tạo giáo viên, vừa nghiên cứu phương pháp giảng dạy, hỗ trợ chuyên môn cho các cơ sở bỏ túc văn hóa địa phương. Số trường và giáo sinh tăng nhanh: từ 13 trường với 2.014 giáo sinh (1966-1967) lên 16 trường với 7.414 giáo sinh (1969-1970) (Bộ Giáo dục, 1972).

Trong giai đoạn này, lần đầu tiên chương trình và sách giáo khoa riêng cho bỏ túc văn hóa được biên soạn đồng bộ theo hướng “Cần gì học nấy”, phù hợp

Bảng 1: Số lượng các trường sư phạm Bỏ túc văn hoá (1966 - 1970)

Giai đoạn	Số trường	Số giáo sinh
1966 - 1967	13	2.014
1967 - 1968	18	4.717
1968 - 1969	21	6.045
1969 - 1970	16	7.414

(Nguồn: Bộ Giáo dục, Niên giám Giáo dục 1972)

với độ tuổi và nhu cầu người học. Tuy nhiên, từ cuối thập niên 1980, hệ bổ túc văn hóa bộc lộ hạn chế: Đội ngũ giảng dạy suy giảm, hệ thống Trường Sư phạm Bổ túc văn hóa bị giải thể, để lại khoảng trống lớn.

Dù gặp nhiều khó khăn, bổ túc văn hóa đã nâng cao trình độ dân trí, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân đáp ứng yêu cầu kháng chiến và kiến quốc, đồng thời đặt nền móng cho các giai đoạn phát triển tiếp theo của giáo dục thường xuyên.

3.1.3. Giai đoạn Giáo dục bổ túc

Giáo dục bổ túc (1989-1993) thay thế cho bổ túc văn hóa, chuyển hướng sang đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng, đặc biệt cho những người chưa có điều kiện học trong hệ thống chính quy.

Ngày 15 tháng 9 năm 1989, Chỉ thị 17/CT của Bộ Giáo dục xác định ba nhiệm vụ cho giáo dục bổ túc: 1) Xóa mù chữ cho người 15-35 tuổi; 2) Tổ chức học tập không theo quy trình cấp lớp; 3) Giảng dạy gắn với nghề nghiệp cho thanh thiếu niên đã hoàn thành phổ cập cấp I. Từ năm 1990, học chữ gắn với kiến thức hành dụng về đời sống gia đình, sức khỏe, kinh tế và ý thức công dân. Từ năm 1993, các trung tâm giáo dục thường xuyên ra đời và phát triển nhanh chóng, phục vụ nhiều đối tượng đa dạng.

3.1.4. Giai đoạn phát triển giáo dục thường xuyên và xây dựng xã hội học tập

Giai đoạn này ghi nhận những thay đổi cơ bản về định hướng mở rộng đối tượng người học, đa dạng hoá các loại hình chương trình và phương thức học tập, xây dựng và nhân rộng các mô hình học tập - giáo dục của người lớn và mô hình học tập suốt đời. Thời kỳ này được chia thành hai giai đoạn nhỏ hơn: Từ năm 1993-2005 và từ năm 2005 đến nay - với dấu mốc phân đoạn là năm 2005 khi Luật Giáo dục sửa đổi được thông qua.

a. Giai đoạn 1993 - 2005

Hệ thống chính sách giáo dục thường xuyên thời kỳ này được vận hành thông qua nhiều văn bản pháp quy quan trọng: Nghị định 90/CP (1993), Luật Giáo dục 1998 và Luật Giáo dục sửa đổi 2005. Nghị định 90/CP (1993) xác định giáo dục thường xuyên là một trong năm phân hệ của hệ thống giáo dục quốc dân (Chính phủ, 1993). Tuy nhiên, Luật Giáo dục 1998 chỉ quy định bốn phân hệ giáo dục, đồng thời coi giáo dục không chính quy là một phương thức giáo dục song song với chính quy (Quốc hội, 1998). Đến Hội nghị TW 7 khóa IX (2003), chủ trương xây dựng xã hội học tập trên cả nước đã khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục thường xuyên, song phải đến Luật Giáo dục sửa đổi 2005, giáo dục thường xuyên mới được chính thức thừa nhận là một trong hai bộ phận cấu thành của hệ thống giáo dục quốc dân.

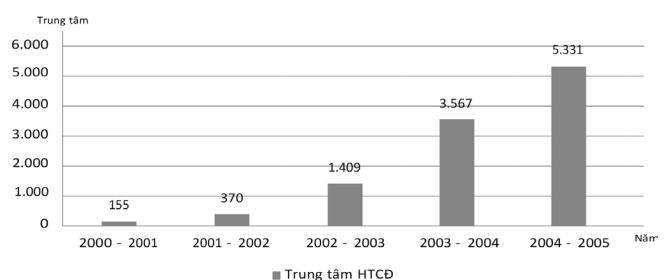
Chiến lược Phát triển giáo dục 2001-2010 nhấn mạnh, phát triển giáo dục không chính quy như một phương thức huy động tiềm năng cộng đồng, tạo cơ hội học tập suốt đời (Thủ tướng Chính phủ, 2001). Tiếp đó, Đề án xây dựng xã hội học tập đầu tiên giai đoạn 2005-2010 mở ra bước ngoặt mới, theo đó chính sách giáo dục thường xuyên hướng tới nhiều nhóm đối tượng: Những người không có điều kiện học chính quy; người muốn học nâng cao sau đào tạo ban đầu; người lao động có nhu cầu học tập để đáp ứng yêu cầu sản xuất, việc làm; cán bộ, công chức, viên chức cần bổ sung ngoại ngữ, tin học và kỹ năng nghề nghiệp.

Ngoài xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, giáo dục thường xuyên triển khai nhiều loại hình học tập: Khóa dạy nghề ngắn hạn; khóa học cập nhật kiến thức, kỹ năng, công nghệ cho người trưởng thành; lớp đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ; chương trình bổ túc tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Về tổ chức, bộ máy quản lý được củng cố từ Trung ương đến cơ sở. Vụ Giáo dục thường xuyên được thành lập; Trung tâm Nghiên cứu Xóa mù chữ và Giáo dục thường xuyên (Viện Khoa học Giáo dục) ra đời năm 1994, triển khai nhiều nghiên cứu về giáo dục người lớn, trung tâm học tập cộng đồng, định hướng phát triển giáo dục thường xuyên đến 2010 và 2020.

Một thành tựu nổi bật là sự phát triển nhanh chóng của mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên. Giai đoạn 1999-2000, cả nước có 56 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, hơn 400 cấp huyện, 212 trường bổ túc văn hóa, 200 trung tâm ngoại ngữ tại chức và 50 trung tâm tin học ứng dụng (Tô Bá Trượng, 2001). Mô hình Trung tâm học tập cộng đồng, khởi xướng từ kinh nghiệm quốc tế và thí điểm tại Hòa Bình, Thái Bình (1999-2001), đã chứng minh hiệu quả và nhanh chóng được nhân rộng với sự hỗ trợ tích cực của Hội Khuyến học Việt Nam (xem Hình 1).

Chính sách mở rộng trung tâm giáo dục thường



(Nguồn: Thái Thị Xuân Đào, 2008, tr.39)

Hình 1: Sự phát triển của các Trung tâm học tập cộng đồng giai đoạn 2000 – 2005

xuyên cấp tỉnh, huyện gắn với biên soạn chương trình, tài liệu đa dạng, phục vụ nhiều nhóm người học. Số học viên học bổ túc Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và người học tại Trung tâm học tập cộng đồng đều tăng mạnh; nhờ đó, kết quả xóa mù chữ và bổ túc văn hóa từ các giai đoạn trước tiếp tục được duy trì, củng cố. Đội ngũ cán bộ, giáo viên giáo dục thường xuyên cũng phát triển cả về số lượng và chất lượng (Thái Thị Xuân Đào, 2008).

Mặc dù còn những hạn chế nhất định, song giai đoạn 1993-2005 đã tạo nền tảng vững chắc cho giáo dục thường xuyên: Hoàn thiện khung pháp lý, mở rộng mạng lưới cơ sở, phát triển đội ngũ, đổi mới chương trình và duy trì thành tựu xóa mù chữ. Đặc biệt, sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống trung tâm giáo dục thường xuyên và Trung tâm học tập cộng đồng là những điểm sáng của giai đoạn này.

b. Giai đoạn từ năm 2005 đến nay

Với dấu mốc Luật Giáo dục 2005 lần đầu khẳng định giáo dục thường xuyên là một trong hai bộ phận cấu thành của hệ thống giáo dục quốc dân, các chính sách giáo dục thường xuyên từ 2005 đến nay đã vận động mạnh mẽ, đáp ứng yêu cầu mới của giáo dục và bối cảnh kinh tế - xã hội.

Tiếp nối Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010”, hai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” (Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013) và “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” (Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021) đã mở đường cho một giai đoạn phát triển mới cả về quy mô lẫn chất lượng của giáo dục thường xuyên, khẳng định học tập suốt đời là nhiệm vụ xuyên suốt, đồng thời yêu cầu sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng xã hội học tập.

Hệ thống luật pháp liên quan cũng được bổ sung, như các Luật Giáo dục Nghề nghiệp 2014 (sửa đổi, bổ sung toàn diện 2025), Luật Nhà giáo 2025. Gần đây nhất, Bộ Giáo dục - Đào tạo đã tiến hành nghiên cứu định hướng xây dựng Luật về Học tập suốt đời, được coi là một trong các giải pháp trọng tâm để triển khai Chiến lược phát triển giáo dục thường xuyên 2021-2030 (Vụ Giáo dục thường xuyên, 2021). Những chính sách này thể hiện định hướng xây dựng nền giáo dục mở, liên thông, tạo điều kiện cho mọi người vừa làm vừa học, học suốt đời, nhằm phát huy năng lực cá nhân, nâng cao trình độ và thích ứng với các thay đổi của xã hội.

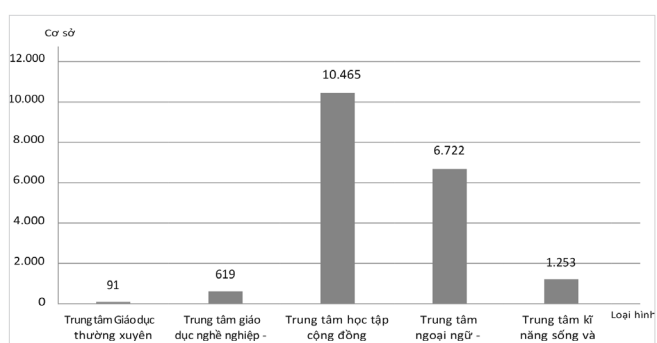
Để tăng cường quản lý, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều văn bản quy phạm, hướng dẫn triển khai các Đề án xã hội học tập, chỉ đạo nâng cao chất lượng chương trình giáo dục thường xuyên và hoạt

động cơ sở. Bộ yêu cầu các trường đại học thành lập tổ chức khuyến học, phát triển tài nguyên giáo dục mở, đồng thời phối hợp với Hội Khuyến học nghiên cứu và triển khai các mô hình học tập như Cộng đồng học tập cấp xã, Đơn vị học tập, Thành phố học tập toàn cầu; tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ, phổ biến kiến thức phục vụ nhu cầu học tập suốt đời (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014).

Các chính sách về thúc đẩy truyền thông, khuyến khích các thiết chế văn hóa - giáo dục ngoài nhà trường phục vụ học tập suốt đời cũng được quan tâm. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt nhiều đề án: Truyền thông về xây dựng xã hội học tập; Đẩy mạnh học tập suốt đời tại thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ; Đẩy mạnh học tập suốt đời cho công nhân trong doanh nghiệp; và phong trào học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022).

Mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên tiếp tục phát triển mạnh (xem Hình 2). Các Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm học tập cộng đồng, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học ngày càng mở rộng, tăng từ 13.609 cơ sở (2010-2011) lên 19.055 cơ sở (2023-2024), bao gồm cả các trung tâm khác có chức năng giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024). Chính sách này tạo nền tảng cho việc phát triển mô hình giáo dục người lớn và học tập suốt đời ở nhiều cấp độ. Các mô hình Công dân học tập, Gia đình học tập, Dòng họ học tập, Đơn vị học tập, Cộng đồng học tập cấp xã và Thành phố học tập được nghiên cứu, thí điểm, triển khai rộng khắp. Tính đến năm 2024, Việt Nam có 5 thành phố được UNESCO công nhận là Thành phố học tập toàn cầu: Thành phố Hồ Chí Minh, Sơn La, Cao Lãnh, Sa Đéc và Vinh (Báo Đại biểu Nhân dân, 2024).

Phát triển đội ngũ giáo viên và biên soạn tài liệu giáo dục thường xuyên cũng được chú trọng. Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai các chương trình bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, phương pháp



(Bộ Giáo dục - Đào tạo, 2024)

Hình 2: Sự phát triển các loại hình cơ sở giáo dục thường xuyên năm học 2023 - 2024

dạy học người lớn, tổ chức hoạt động cộng đồng, ứng dụng công nghệ thông tin với hình thức đa dạng, kết hợp linh hoạt giữa trực tiếp và trực tuyến.

Các Chương trình Giáo dục thường xuyên được điều chỉnh phù hợp theo định hướng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, gồm: Xoá mù chữ, giáo dục tiếp tục sau biết chữ, giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Ngoài ra, nhiều chương trình cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ, công nghệ được triển khai để phục vụ học tập suốt đời.

Chính sách bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục thường xuyên, đặc biệt với nhóm yếu thế, cũng đạt kết quả tích cực. Đến năm 2020, tỉ lệ biết chữ ở độ tuổi từ 15 trở lên đạt 98%, trong độ tuổi 15-35 đạt 99% ở cả nam và nữ. Hằng năm, có khoảng 18 triệu lượt người tham gia các lớp chuyên đề, cập nhật kiến thức tại Trung tâm Học tập cộng đồng, góp phần duy trì kết quả xoá mù chữ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020).

Nhìn chung, giáo dục thường xuyên từ năm 2005 đến nay đã đạt nhiều thành tựu: Khung pháp lý đồng bộ hơn; mạng lưới cơ sở và Trung tâm Học tập cộng đồng mở rộng; chương trình đổi mới, hình thức học tập đa dạng; các mô hình học tập suốt đời triển khai từ cá nhân đến cộng đồng. Đặc biệt, nhận thức xã hội về vai trò của giáo dục thường xuyên và học tập suốt đời ngày càng được nâng cao.

3.2. Một số nhận xét về sự vận động, chuyển đổi của chính sách giáo dục thường xuyên qua các thời kì

Chính sách Bình dân học vụ đã xoá mù chữ cho hàng chục triệu người dân, đặt nền móng nâng cao dân trí, đào tạo lực lượng phục vụ kháng chiến. Với sức mạnh toàn dân, phong trào để lại kinh nghiệm quý về huy động cộng đồng và tổ chức học tập linh hoạt.

Ở giai đoạn Bỏ túc văn hóa, chính sách giáo dục thường xuyên gắn chặt với chiến lược xây dựng Chủ nghĩa Xã hội ở Miền Bắc và giải phóng Miền Nam, vừa nâng cao dân trí vừa phục vụ sản xuất, quốc phòng, công tác cán bộ - minh chứng cho sự gắn bó mật thiết giữa chính sách giáo dục và nhiệm vụ chính trị.

Cuối thập niên 1980, sự chuyển đổi sang giáo dục bổ túc và ra đời các trung tâm giáo dục thường xuyên đánh dấu bước ngoặt: Mục tiêu mở rộng sang đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng trong bối cảnh đổi mới, khắc phục hạn chế của hệ thống cũ.

Từ năm 1993 đến nay, chính sách giáo dục thường xuyên có bước phát triển mạnh mẽ, mở rộng về đối tượng, chương trình, tài liệu, đồng thời gắn với xu

thế phát triển học tập suốt đời của khu vực và thế giới. Điểm nổi bật là tư duy chính sách chuyển từ nhiệm vụ xoá mù chữ, giáo dục bổ túc sang thúc đẩy hoạt động học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Tại Luật Giáo dục sửa đổi 2005, giáo dục thường xuyên đã được công nhận là một trong hai thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân - đây là sự chuyển biến pháp lý quan trọng, xác định rõ vị trí của giáo dục thường xuyên trong toàn ngành. Nhiều mô hình học tập mới ra đời như Công dân học tập, Gia đình học tập, Dòng họ học tập, Cộng đồng học tập cấp xã, cấp tỉnh và Thành phố học tập toàn cầu theo định hướng UNESCO. Đây là minh chứng rõ nét cho vai trò ngày càng đa dạng của giáo dục thường xuyên trong xây dựng xã hội học tập.

Mặc dù đạt nhiều thành tựu quan trọng, mỗi giai đoạn phát triển của giáo dục thường xuyên cũng bộc lộ những hạn chế nhất định, tạo tiền đề cho sự điều chỉnh chính sách ở giai đoạn tiếp theo. Phong trào Bình dân học vụ chủ yếu tập trung vào mục tiêu xoá mù chữ cấp tốc, trong khi cơ chế duy trì kết quả sau biết chữ và đáp ứng nhu cầu học tập ở trình độ cao hơn còn hạn chế, dẫn đến yêu cầu phát triển hệ thống Bổ túc văn hóa. Đến giai đoạn Bỏ túc văn hóa, chính sách tuy gắn chặt với nhiệm vụ chính trị và sản xuất nhưng còn thiên về truyền thụ kiến thức phổ thông, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập đa dạng của người trưởng thành trong bối cảnh đổi mới. Giai đoạn Giáo dục bổ túc đã mở rộng chức năng và đối tượng phục vụ, song thời gian triển khai ngắn, khung pháp lý và mô hình tổ chức chưa ổn định, đặt ra yêu cầu hình thành hệ thống giáo dục thường xuyên thống nhất, bền vững hơn. Bước sang giai đoạn giáo dục thường xuyên gắn với xây dựng xã hội học tập, dù tư duy chính sách đã chuyển mạnh sang học tập suốt đời, vẫn còn những hạn chế về liên thông, chất lượng, quản trị và cơ chế phối hợp (Bế Hồng Hạnh và nhóm nghiên cứu, 2021), đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện thể chế để đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội học tập, phát triển nguồn nhân lực trong kỉ nguyên số.

3.3. Định hướng về chính sách phát triển giáo dục thường xuyên giai đoạn 2025 - 2030 và tầm nhìn đến 2045

3.3.1. Khái quát bối cảnh hiện nay

Ở bình diện quốc tế, Cách mạng 4.0 và kinh tế tri thức khiến nhiều tri thức nhanh chóng lỗi thời, đòi hỏi học tập liên tục. Tuổi thọ ngày càng cao, thị trường lao động biến động và cạnh tranh gay gắt đặt ra yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trong khu vực và toàn cầu (Tổng Bí thư Tô Lâm, 2025).

Trong nước, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến 2030 đòi hỏi giáo dục thường xuyên đổi mới mạnh mẽ, đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao trong công nghệ cao và ngành mới nổi (Thủ tướng Chính phủ, 2024b). Phát triển kinh tế số, xã hội số ưu tiên hàng đầu, yêu cầu giáo dục thường xuyên xóa mù số và bồi dưỡng năng lực số cho công dân, thúc đẩy phong trào “Bình dân học vụ số”.

Kết luận 91-KL/TW (2024) nhấn mạnh phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng, giảm tỉ lệ mù chữ ở vùng khó khăn và xây dựng Luật Học tập suốt đời (Bộ Chính trị, 2024). Chiến lược phát triển giáo dục đến 2030 yêu cầu tạo điều kiện học tập suốt đời cho mọi người. Đặc biệt, Nghị quyết 71-NQ/TW (2025) khẳng định xây dựng nền giáo dục mở, liên thông, đảm bảo cơ hội học tập cho mọi người (Bộ Chính trị, 2025).

3.3.2. Định hướng về chính sách phát triển giáo dục thường xuyên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045

Những hạn chế của chính sách giáo dục thường xuyên các giai đoạn trước đặt ra yêu cầu xây dựng định hướng mới. Với quan điểm bảo đảm quyền học tập suốt đời cho mọi người bằng nhiều hình thức linh hoạt, hướng tới hệ thống giáo dục mở và liên thông, các định hướng chính sách trọng tâm 2025-2030 tập trung vào các vấn đề sau (Bùi Thanh Xuân và nhóm nghiên cứu, 2024):

a. Xây dựng hệ thống giáo dục thường xuyên mở, linh hoạt và liên thông

Chính sách này nhằm tháo gỡ rào cản tiếp cận chương trình học tập. Các cơ sở giáo dục thường xuyên cần đổi mới theo hướng đa chức năng, đáp ứng nhiều nhóm đối tượng, tăng tính linh hoạt để người học có thể chuyển đổi ngành nghề hoặc học tiếp lên trình độ cao hơn. Hệ thống liên thông dọc và ngang tạo cơ hội học tập công bằng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

b. Hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế quản lý nhà nước

Khung pháp lý về giáo dục thường xuyên hiện chỉ được quy định trong Luật Giáo dục 2019. Về lâu dài cần xây dựng Luật Học tập suốt đời để xác lập địa vị pháp lý đầy đủ và bảo đảm quyền học tập của mọi công dân trong bối cảnh mới. Cần hình thành cơ chế phối hợp liên ngành, phân cấp rõ trách nhiệm; Bộ Giáo dục và Đào tạo giữ vai trò đầu mối điều phối; tăng cường hợp tác quốc tế và huy động sự tham gia của xã hội.

c. Nâng cao chất lượng và chuyên môn hóa đội ngũ giáo viên/hướng dẫn viên giáo dục thường xuyên

Chất lượng người dạy quyết định hiệu quả giáo

dục thường xuyên. Vì vậy, cần thiết lập chuyên ngành Giáo dục người lớn tại các trường đại học sư phạm, đào tạo và tuyển dụng giảng viên có chuyên môn. Song song, cần bồi dưỡng tại chỗ, đào tạo ngắn hạn để nâng cao năng lực cho đội ngũ hiện có, đặc biệt về phương pháp sư phạm dành cho người trưởng thành. Việc cấp bằng, chứng chỉ chuyên biệt cho giáo viên/hướng dẫn viên giáo dục thường xuyên sẽ góp phần chuyên nghiệp hóa, bảo đảm chất lượng giảng dạy và quản lý.

d. Phát huy vai trò của các thiết chế văn hóa - giáo dục ngoài nhà trường

Các thiết chế như thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa - thể thao có vai trò quan trọng cung ứng cơ hội học tập không chính quy. Cần tăng cường phối hợp để mở rộng không gian học tập, đặc biệt tại vùng khó khăn. Các cơ quan truyền thông và mạng xã hội cần được khai thác như kênh học tập mở, hiện đại. Cần phát huy vai trò của từng cá nhân, gia đình, tổ chức và cộng đồng trong xây dựng xã hội học tập. Chính sách tập trung củng cố và lan tỏa các mô hình “Công dân học tập”, “Gia đình học tập”, “Tổ chức học tập”, “Cộng đồng học tập”, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau.

f. Xây dựng cơ chế đánh giá, công nhận kết quả học tập không chính quy và không chính thức

Để tạo động lực và bảo đảm công bằng, cần xây dựng cơ chế đánh giá, ghi nhận, công nhận các kiến thức, kỹ năng mà người học tích lũy từ trải nghiệm không chính quy (UNESCO, 2012). Các kết quả này cần được đối xử ngang bằng với thành quả học tập chính quy, dựa trên chuẩn đầu ra. Cụ thể, cần hoàn thiện Khung trình độ quốc gia, phát triển quy định về văn bằng nhỏ (Micro-credentials) phù hợp với điều kiện Việt Nam, đồng thời mở rộng phạm vi kiểm định chất lượng đối với nhà cung ứng và các chương trình đào tạo theo văn bằng nhỏ. Chính sách này giúp người học có thêm cơ hội được ghi nhận, tăng động lực học tập và khả năng dịch chuyển trên thị trường lao động.

g. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ giáo dục trong giáo dục thường xuyên

Chuyển đổi số và công nghệ giáo dục là công cụ quan trọng mở rộng cơ hội học tập, bảo đảm công bằng xã hội. Chính sách cần tập trung xây dựng hệ thống quản lý giáo dục thường xuyên trên nền tảng số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm, phát triển học liệu mở, khai thác khóa học trực tuyến để thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền.

h. Bảo đảm sự tham gia chủ động của chính quyền các cấp

Cần xác định rõ trách nhiệm của từng cấp chính quyền trong quản lý và triển khai giáo dục thường xuyên; trách nhiệm người đứng đầu địa phương phải được thể chế hóa gắn với nhiệm vụ học tập suốt đời. Cần chính sách hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa các địa phương để chia sẻ nguồn lực và kinh nghiệm.

4. Kết luận

Trong 80 năm phát triển (1945-2025), giáo dục thường xuyên đã giữ vai trò quan trọng đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của nhân dân. Từ xóa mù chữ qua phong trào Bình dân học vụ, đến bổ túc văn hóa

phục vụ kháng chiến - kiến quốc và giáo dục bổ túc, giáo dục thường xuyên từng bước trở thành công cụ quan trọng góp phần nâng cao dân trí và phát triển nhân lực. Từ năm 2005 đến nay, chính sách giáo dục thường xuyên dịch chuyển theo hướng mở rộng cơ hội học tập bình đẳng và thúc đẩy học tập suốt đời cho mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội. Hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, giáo dục thường xuyên sẽ phát triển thành hệ thống mở, liên thông, đảm bảo quyền học tập của mọi công dân trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

- Báo Đại biểu nhân dân. (2024). *5 thành phố của Việt Nam là thành viên mạng lưới Thành phố học tập toàn cầu*, tại: <https://daibieunhandan.vn/5-thanh-pho-nao-cua-viet-nam-la-thanh-vien-cua-mang-luoi-thanh-pho-hoc-tap-toan-cau-10330918.html>.
- Bế Hồng Hạnh và nhóm nghiên cứu. (2021). *Khung pháp lý cho hệ thống học tập suốt đời ở Việt Nam nhằm thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71/NQ-TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 về Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- Bộ Chính trị. (2024). *Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW*.
- Bộ Giáo dục. (1972). *Niên giám Giáo dục 1972*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2014). *Công văn số 4163/BGDĐT-giáo dục thường xuyên ngày 07 tháng 8 năm 2014 Hướng dẫn nội dung và mức chỉ thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020"*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu chiến lược giáo dục thường xuyên giai đoạn 2011 - 2020*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). *Tài liệu hướng dẫn xây dựng xã hội học tập*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2024). *Báo cáo tổng kết năm học 2023 - 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2024 -2025 đối với giáo dục thường xuyên*.
- Bùi Thanh Xuân và nhóm nghiên cứu. (2024). *Nghiên cứu định hướng xây dựng Luật Học tập suốt đời*. Đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Chính phủ. (1993). *Nghị định 90/CP ngày 24 tháng 11 năm 1993 Quy định cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*.
- Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập*. Tập 4. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Lê Mậu Hãn. (2005). *Đại cương Lịch sử Việt Nam*. tập III.
- NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Ngô Văn Cát. (1980). *Việt Nam chống nạn thất học*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Minh Tuấn và cộng sự. (2015). *Biện pháp củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của mô hình trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Thái Thị Xuân Đào. (2008). *Định hướng phát triển giáo dục không chính quy trong giai đoạn sắp tới*, Đề tài cấp Bộ, B2005-80-27.
- Thủ tướng Chính phủ. (2001). *Quyết định số 201/2001/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2023). *Quyết định số 1315/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2023 phê duyệt kế hoạch triển khai phong trào "Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030"*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2024a). *Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2024 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn 2045*. Hà Nội: Thủ tướng Chính phủ.
- Thủ tướng Chính phủ. (2024b). *Quyết định số 411/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Tô Bá Trượng (Chủ biên). (2001). *Giáo dục thường xuyên - Thực trạng và định hướng phát triển ở Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tổng Bí thư Tô Lâm. (2025). *Học tập suốt đời*. Truy cập tại <https://baohinhphu.vn/bai-viet-cua-tong-bi-thu-to-lam-hoctap-suot-doi-102250301172143439.htm>, ngày 30/9/2025.
- UNESCO. (2012). *UNESCO Guidelines for the recognition, avalidation, and accreditation of the outcomes of non-formal and informal learning*. Truy cập tại: <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf00000216360> ngày 2/10/2025.
- Vụ Giáo dục thường xuyên. (2021). *Báo cáo định hướng phát triển Giáo dục thường xuyên 2021 - 2030, tầm nhìn 2045*.